

Số: **54** /2021/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **08** tháng **11** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Viễn thông năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về lập dự án, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;


Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1126/TTr-STTTT ngày 18/10/2021, Báo cáo thẩm định số 247/BC-STP ngày 13/9/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TTTT - VPUBND tỉnh (Đăng công báo);
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- V0, V1-3, CV NCTH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX6.

QĐ.21.06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2021/QĐ-UBND ngày 08 / 11 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (viết tắt là "mạng TSLCD") cấp I thực hiện theo điểm b Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là mạng TSLCD cấp II) là phân hệ của mạng TSLCD kết nối tới các phân hệ đầu cuối tại: Cấp tỉnh bao gồm những cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh; cấp huyện bao gồm Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và

các đơn vị thuộc huyện; cấp xã bao gồm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đến Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh thông qua hạ tầng truyền dẫn của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

3. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II là doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh là đầu mối kết nối hệ thống mạng TSLCD của tỉnh với mạng TSLCD cấp I để phục vụ việc khai thác, sử dụng theo quy định.

Đơn vị sử dụng mạng TSLCD tỉnh: là các cơ quan Đảng, Nhà nước, và các đơn vị khác (nếu có) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có kết nối vào mạng TSLCD tỉnh Quảng Ninh.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Quy định quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II tại cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

3. Thông tin được sử dụng, chia sẻ an toàn thông tin và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành của cơ quan nhà nước các cấp và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng, quản lý mạng TSLCD cấp II.

4. Triển khai mạng TSLCD cấp II cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh bằng hình thức tập trung do Sở Thông tin và Truyền thông ký hợp đồng khung với doanh nghiệp viễn thông, bảo đảm khả năng vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Triển khai mạng TSLCD cấp II đối với các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn bằng hình thức tự ký hợp đồng với doanh nghiệp viễn thông.

5. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II tham

gia quản lý và vận hành mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

6. Các đơn vị sử dụng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được cung cấp các thiết bị kết nối có trách nhiệm bảo quản, quản lý, quản trị các thiết bị được bàn giao.

7. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành theo hình thức tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, an toàn, được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành, sử dụng. Phải đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 07 ngày/tuần).

8. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, phải được mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

9. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn, bảo mật của mạng TSLCD cấp II phải được phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Các ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II

1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

2. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

3. Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

4. Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

5. Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

6. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

7. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

8. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

9. Các ứng dụng khác theo đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông và chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 7. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng TSLCD và đường TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II và giá cước đường TSLCD theo quy định.

Chương III QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 8. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

1. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Yêu cầu an toàn cơ bản đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 9. Quy định về kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

1. Kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Căn cứ vào nhu cầu quản lý tập trung về kết nối và tốc độ sử dụng đối

với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II (thông qua đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông), doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối, tốc độ truy cập của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đảm bảo ổn định, thông suốt.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đã được Cục Bưu điện Trung ương hướng dẫn, quy hoạch cho tỉnh Quảng Ninh.

4. Hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và khoản 2, khoản 3, Điều 9, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 18, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019).

2. Là đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, cung cấp, kết nối, khai thác và sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác mạng TSLCD cấp II nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Nghiên cứu, đề xuất thiết lập, sử dụng nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển mạng TSLCD cấp II nhằm cung cấp hạ tầng kỹ thuật đáp ứng kịp thời việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với các tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

6. Chủ trì, phối hợp kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

7. Cung cấp thông tin đơn vị, cá nhân làm đầu mối liên hệ để hỗ trợ các đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

8. Tổng hợp báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối, bố trí vốn ngân sách để triển khai thiết lập mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng thanh quyết toán kinh phí đã giao cho các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại đơn vị mình; trang sảm thay thế kịp thời nếu thiết bị bị hỏng, không thể hoạt động để đảm bảo hoạt động liên tục, thông suốt; kịp thời thông tin tới đơn vị cung cấp dịch vụ, Sở Thông tin và Truyền thông các vấn đề phát sinh để xử lý đối với hiện tượng mất tín hiệu đường truyền hoặc không có kết nối đến Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

2. Bắt buộc sử dụng mạng TSLCD để khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh để phát huy tối đa hiệu quả của mạng TSLCD; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

4. Tổ chức, phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể:

Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị được cấp (firewall, router, switch, bộ lưu điện) để đảm bảo cho các thiết bị mạng kết nối đường TSLCD hoạt động ổn định, thông suốt. Có văn bản báo cáo hiện trạng sử dụng hệ thống định kỳ, đột xuất hoặc khi có sự cố lỗi.... gửi về Sở Thông tin và Truyền thông biết, phối hợp và đưa ra phương án xử lý khắc phục.

Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II của đơn vị chỉ được phép cho nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II tiến hành xử lý và khắc phục các sự cố của thiết bị có liên quan trực tiếp đến mạng TSLCD cấp II; không được phép cho người khác sử dụng máy chủ kết nối mạng TSLCD cấp II và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng đường TSLCD cấp II.

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

5. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với mạng TSLCD cấp II

Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp, có phương án xử lý ứng cứu sự cố kịp thời, không để mất kết nối mạng ảnh hưởng đến công việc của cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng TSLCD.

Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu,...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

6. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 19, Thông tư số 27/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp ổn định, đảm bảo an toàn thông

tin; sẵn sàng các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng, nhân lực thường trực tại 13 địa phương để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng và đường TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.

2. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư số 43/TT-BTTTT. Đồng thời, kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Điều 16, Thông tư số 27/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 và quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

6. Có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về tình hình cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh về Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, phân công đơn vị chuyên môn có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng mạng TSLCD cấp II, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện tốt quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II và các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.
